Chi tiết mã HS 8539.51.00

Mã HS	8539.51.00
Mô tả hàng hóa	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED): / - - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:10:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85395100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15947
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15947
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15947
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4/3/0	4 / 3 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
EVFTA	0/1,8/0	0 / 1,8 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
UKVFTA	0/1,8/0	0 / 1,8 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VCFTA	0/0/0	0 / 0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VIFTA	14/8.6/1.7	14 / 8.6 / 1.7 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15289
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15218
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15218
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15218
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15218
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15218
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15218
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15274
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15274
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15274
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15274
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15274
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15275
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15275
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15275
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15275
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15275
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15275
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15276
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15224
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15232
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15232
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15232
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15232
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15232
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15232
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15272
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15272
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15272
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15272
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15272
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15272
VCFTA	2022	2022		VC!15329
VCFTA	2023	2023		VC!15329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024		VC!15329
VCFTA	2025	2025		VC!15329
VCFTA	2026	2026		VC!15329
VCFTA	2027	2027		VC!15329
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15308
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15308
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15308
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15308
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15308
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15308
AHKFTA	2022	2022		AKH!15306
AHKFTA	2023	2023		AKH!15306
AHKFTA	2024	2024		AKH!15306
AHKFTA	2025	2025		AKH!15306
AHKFTA	2026	2026		AKH!15306
AHKFTA	2027	2027		AKH!15306
EVFTA	2022	2022		EV-NK!15312
EVFTA	2023	2023		EV-NK!15312
EVFTA	2024	2024		EV-NK!15312
EVFTA	2025	2025		EV-NK!15312
EVFTA	2026	2026		EV-NK!15312
EVFTA	2027	2027		EV-NK!15312
UKVFTA	2022	2022		UKV!15311
UKVFTA	2023	2023		UKV!15311
UKVFTA	2024	2024		UKV!15311
UKVFTA	2025	2025		UKV!15311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026		UKV!15311
UKVFTA	2027	2027		UKV!15311
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15305
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15305
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15305
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15305
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15305
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15305
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15305
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15299
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15299
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15299
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15299
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15299
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15299
RCEP B	2022	2022	0	B!D15299
RCEP B	2023	2023	0	B!E15299
RCEP B	2024	2024	0	B!F15299
RCEP B	2025	2025	0	B!G15299
RCEP B	2026	2026	0	B!H15299
RCEP B	2027	2027	0	B!I15299
RCEP C	2022	2022	0	C!D15299
RCEP C	2023	2023	0	C!E15299
RCEP C	2024	2024	0	C!F15299
RCEP C	2025	2025	0	C!G15299
RCEP C	2026	2026	0	C!H15299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15299
RCEP D	2022	2022	0	D!D15298
RCEP D	2023	2023	0	D!E15298
RCEP D	2024	2024	0	D!F15298
RCEP D	2025	2025	0	D!G15298
RCEP D	2026	2026	0	D!H15298
RCEP D	2027	2027	0	D!I15298
RCEP E	2022	2022	0	E!D15302
RCEP E	2023	2023	0	E!E15302
RCEP E	2024	2024	0	E!F15302
RCEP E	2025	2025	0	E!G15302
RCEP E	2026	2026	0	E!H15302
RCEP E	2027	2027	0	E!I15302
RCEP F	2022	2022	0	F!D15299
RCEP F	2023	2023	0	F!E15299
RCEP F	2024	2024	0	F!F15299
RCEP F	2025	2025	0	F!G15299
RCEP F	2026	2026	0	F!H15299
RCEP F	2027	2027	0	F!I15299
VIFTA	2024	2024		VI!14263
VIFTA	2025	2025		VI!14263
VIFTA	2026	2026		VI!14263
VIFTA	2027	2027		VI!14263

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8539.51.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8539.51.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8539.51.00 có mã Chương 98 tương ứng 9849.32.90 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8539.51.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8539.51.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15947), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.